

Bản án số: 10/HNGĐ-ST
Ngày: 29/4/2020
V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Khánh Nam
2. Bà Lê Ngọc Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 701/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019, về việc “*Tranh chấp ly hôn*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17/4/2020 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1984

* Bị đơn: Anh Hoàng Minh H, sinh năm 1983

Cùng địa chỉ: 340/4 Trần Phú, tổ 7, khu phố 3, Phường X, thành phố K, tỉnh Đ.

* Người làm chứng: Bà Trần Thị H, địa chỉ: Tổ 7, khu phố 3, phường X, thành phố K, tỉnh Đ.

(*Chị H có đơn xét xử vắng mặt, anh H, bà H vắng mặt không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 12 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:

Chị Lê Thị H và anh Hoàng Minh H quen biết, tìm hiểu và sống với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường X, thị xã K (nay là thành phố K), tỉnh Đ vào ngày 02/12/2010. Việc kết hôn là tự nguyện và được hai bên gia đình cho phép, có tổ chức đám cưới theo truyền thống.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau ở nhà trọ tại ấp B, xã B, thành phố K, tỉnh Đ. Tuy nhiên, cuộc sống chung vợ chồng không được hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Sau đó thì về sống cùng với ba mẹ chồng tại địa chỉ 340/4, đường Trần Phú, tổ 7, khu phố 3, Phường X, thành phố K, tỉnh Đ. Nguyên nhân là do

vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh H thường uống rượu về kiếm chuyện ghen tuông vô cớ, nhiều lần xảy ra mâu thuẫn anh H còn đánh chị H. Gia đình hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Minh H.

- Về con chung: chị H đồng ý giao hai cháu Hoàng Lê Phương U, sinh ngày 20/4/2010 và Hoàng Minh L, sinh ngày 02/5/2014 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời chị chưa có điều kiện cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: chị H khai vợ chồng không có tài sản chung, không cho ai mượn nợ và cũng không nợ ai.

* Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án gồm: Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, giấy khai sinh (bản sao); giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); bản tự khai.

* Các chứng cứ do Tòa án thu thập được: Biên bản lấy lời khai anh Hoàng Minh H ngày 31/12/2019, biên bản đối chất ngày 31/12/2019, biên bản lấy lời khai cháu Hoàng Lê Phương U ngày 10/01/2020, biên bản lấy lời khai chị H ngày 17/02/2020, biên bản xác minh ngày 25/02/2020, biên bản lấy lời khai bà Trần Thị H ngày 27/02/2020 và ngày 10/3/2020.

Tại biên bản lấy lời khai và biên bản đối chất ngày 31/12/2019, bị đơn anh Hoàng Minh H trình bày:

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ năm 2017 đến nay thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng trong cách nuôi dạy, chăm sóc đứa con riêng của chị H. Mỗi lần vợ chồng cãi nhau là chị H bỏ nhà ra đi, sau đó lại quay về, sự việc này thường xuyên xảy ra. Bản thân anh rất mệt mỏi nhưng vì muốn con có đầy đủ tình yêu thương của cả ba và mẹ nên anh mong Tòa án hòa giải đoàn tụ, hàn gắn cho anh và chị H, anh không đồng ý ly hôn (BL 17, 18).

- Về con chung: Nếu dẫn đến việc ly hôn, anh yêu cầu nuôi hai cháu Hoàng Lê Phương U, sinh ngày 20/4/2010 và Hoàng Minh L, sinh ngày 02/5/2014 không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh H khai vợ chồng không có tài sản chung, không cho ai mượn nợ và cũng không nợ ai.

Lời trình bày của bà Trần Thị H người làm chứng tại biên bản lấy lời khai ngày 27/02/2020 và ngày 10/3/2020: Bà là mẹ ruột của anh Hoàng Minh H còn chị Lê Thị H là con dâu. Bà sống chung nhà cùng với anh H, chị H nhưng hiện nay chị H đã bỏ đi. Bà thừa nhận toàn bộ văn bản tố tụng của Tòa án tổng đạt do bà nhận thay và đều giao lại tận tay ngay cho anh H, nhưng do anh H bận công việc không đến Tòa án làm việc. Chị H và anh H không còn chung sống với nhau đã lâu, bà có khuyên nhủ hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay bà không có ý kiến gì và yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn của H, H theo quy định pháp (BL 26, 41).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh Đ phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật, bị đơn chấp hành không đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, mặc

dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ kiện.

- Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 89 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị H.

Về con chung: Giao hai con chung cho anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tạm thời chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Lê Thị H có yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Hoàng Minh H (BL 01) nên xác định tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về việc ly hôn; căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định bị đơn anh Hoàng Minh H có nơi cư trú tại 340/4 Trần Phú, tổ 7, khu phố 3, phường X, thành phố K, tỉnh Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Lê Thị H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Hoàng Minh H mặc dù đã được triệu tập hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Hoàng Minh H tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường X, thành phố K, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/12/2010 (BL 04) được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Lê Thị H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình chung sống chị H và anh H phát sinh nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Anh H không quan tâm đến vợ và cuộc sống gia đình, thậm chí còn có hành vi bạo lực đối với chị H, nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị H và anh H mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm đến nhau. Về phía bị đơn anh Hoàng Minh H không đồng ý ly hôn, nhưng không có biện pháp hàn gắn để chị H quay về chung sống, không tham gia phiên hòa giải và phiên tòa xét xử, thể hiện anh H không có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ, bỏ mặc thời gian sống ly thân đã lâu, không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân với chị H. Xét thấy, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện, có sự quan tâm, vun đắp hạnh phúc, làm tròn quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Tuy nhiên, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh

H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng đã không còn chung sống trong thời gian dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị H yêu cầu ly hôn với anh H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] *Về con chung*: Xét thấy, từ khi chị H và anh H sống ly thân, hai cháu Hoàng Lê Phương U, sinh ngày 20/4/2010 và Hoàng Minh L, sinh ngày 02/5/2014 do anh H và ông, bà nội chăm sóc đã có cuộc sống ổn định từ đó cho đến nay. Do vậy, cần tiếp tục giao cháu U và cháu L cho anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và chị H cũng đồng ý. Tạm thời chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

[4] Về án phí:chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[5] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận. Tuy nhiên, Viện kiểm sát áp dụng điều luật về nội dung tại khoản 1 Điều 89 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 (tại thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân) có nội dung không tương khắc (giống nhau) với nội dung tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên việc Tòa án áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là phù hợp.

[6] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H được ly hôn anh Hoàng Minh H.

Về con chung: Giao hai cháu Hoàng Lê Phương U, sinh ngày 20/4/2010 và Hoàng Minh L, sinh ngày 02/5/2014 cho anh Hoàng Minh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm thời chị Lê Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn chị H được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Khi cần thiết chị H, anh H được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí lý hôn sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0005698 ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K, tỉnh Đ chị H đã nộp đủ tiền án phí lý hôn sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung).

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tỉnh Đ;
- VKSND TP. K;
- CC THADS TP.K;
- UBND P. Xuân Thanh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mai

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân

Chủ tọa phiên tòa

Phạm Quốc Thân Võ Thị Dung

Nguyễn Thị Mai